HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34/2011/NQ - HĐND	*Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA X,
KỲ HỌP THỨ HAI
(*Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 12 năm 2011*)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3665/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, làng, tổ dân phố; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp thứ Hai, HĐND tỉnh khóa X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở thôn, làng, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách:

1. Đối với cấp xã:

Đối với cấp xã loại I số lượng tối đa không quá 22 người, cấp xã loại II tối đa không quá 20 người và cấp xã loại III tối đa không quá 19 người, để bố trí đảm nhận các chức danh quy định sau:

1) Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ;

2) Trưởng ban Tuyên giáo;

3) Dân vận;

3) Trưởng ban công tác Mặt trận (đối với thôn, làng, tổ dân phố nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/04/2006 của Chính phủ).

4) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân (đối với nơi có tổ chức hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt nam);

5) Chi hội trưởng Phụ nữ;

6) Chi hội trưởng Chi hội cựu chiến binh;

7) Bí thư Chi đoàn TNCSHCM.

II. Mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn:

1. Ở cấp xã được chia làm 02 nhóm:

a) Nhóm 1: Được hưởng mức phụ cấp bằng 100% mức lương tối thiểu bao gồm 16 chức danh sau: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo, Tổ chức Đảng, Dân vận, Phó chủ tịch Mặt trận, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM-Chủ tịch Hội LHTN, Phó Công an, Phó Chỉ huy trưởng quân sự, Dân tộc-Tôn giáo, Thú y-Chăn nuôi, Khuyến nông - Khuyến lâm - Khuyến ngư, Bảo vệ, Phục vụ;

b) Nhóm 2: Được hưởng mức phụ cấp bằng 85% mức lương tối thiểu bao gồm 5 chức danh sau: Cán bộ theo dõi biên giới, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Quản lý Nhà Văn hoá, Phụ trách Đài truyền thanh.

2. Ở thôn được chia làm 02 nhóm:

a) Nhóm 1: Có 03 chức danh theo quy định được hưởng mức phụ cấp bằng 75% mức lương tối thiểu.

b) Nhóm 2: Có 07 chức danh tăng thêm do Ngân sách địa phương đảm bảo 100% theo đặc thù riêng của tỉnh được hưởng mức phụ cấp bằng 50% mức lương tối thiểu.

III. Chế độ kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn:

1. Bố trí kiêm nhiệm:

a) Ở cấp xã: Chỉ thực hiện bố trí cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (không bố trí những người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách) trong các trường hợp cụ thể sau: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy (Chi ủy) kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng hoặc Trưởng ban Tuyên giáo hoặc Tổ chức; Cán bộ, công chức cao tuổi, có uy tín kiêm Chủ tịch Hội người cao tuổi hoặc Dân vận; Công chức Văn hóa-Xã hội kiêm cán bộ quản lý Nhà văn hóa hoặc Phụ trách Đài Truyền thanh; Bí thư Đoàn thanh niên kiêm cán bộ quản lý Nhà văn hóa; Chủ tịch Hội Nông dân hoặc Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường kiêm Khuyến nông - Khuyến lâm - Khuyến ngư.

b) Ở thôn: Chỉ thực hiện bố trí cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn trong một số trường hợp cụ thể sau: Cán bộ, công chức và

4) Tổ chức Đảng;

5) Chủ tịch Hội người cao tuổi;

6) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;

7) Phó Chủ tịch MTTQVN;

8) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

9) Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ;

10) Phó Chủ tịch Hội Nông dân đối với nơi có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam;

11) Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM - Chủ tịch Hội LHTNVN;

12) Phó Công an (đối với nơi không bố trí công an chính quy;

13) Phó Chỉ huy quân sự;

14) Dân tộc - Tôn giáo;

15) Biên giới (đối với nơi có đường biên giới với Vương quốc Cam Pu Chia;

16) Thú y - Chăn nuôi;

17) Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đối với nơi có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp;

18) Quản lý Nhà văn hoá (đối với nơi có nhà văn hoá theo quy định;

19) Phụ trách Đài truyền thanh (đối với nơi có Đài truyền thanh theo quy định;

20) Bảo vệ;

21) Phục vụ.

Những chức danh được bố trí tăng thêm người để đảm nhận công việc thực hiện theo hướng ưu tiên tăng thêm cho chức danh Phó công an (đối với những nơi không bố trí công an chính quy, đồng thời là nơi trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự xã hội, những xã loại I, xã loại II), chức danh Phó chỉ huy quân sự (đối với những nơi trọng điểm về quốc phòng, an ninh)...

2. Đối với cấp thôn, làng:

+ Số lượng tối đa không vượt quá 03 người, để bố trí đảm nhận các chức danh không chuyên trách ở thôn theo quy định như:

1) Bí thư chi bộ;

2) Trưởng thôn, làng, Tổ trưởng Tổ dân phố (sau đây gọi chung là Tổ trưởng Tổ dân phố);

3) Công an viên (đối với thôn, làng, tổ dân phố nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/04/2006 của Chính phủ) hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận (đối với thôn, làng, tổ dân phố nơi có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/04/2006 của Chính phủ).

+ Số lượng tối đa không vượt quá 07 người, để bố trí đảm nhận các chức danh tăng thêm do Ngân sách tỉnh đảm bảo gồm:

1) Phó bí thư Chi bộ (thôn, liên thôn);

2) Phó trưởng thôn, làng, Tổ phó Tổ dân phố (sau đây gọi chung là Phó trưởng thôn);

những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bầu làm Bí thư, Phó bí thư Chi bộ thôn; Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ thôn kiêm Trưởng thôn.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách, chỉ được kiêm nhiệm một chức danh không chuyên trách và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 85% mức phụ cấp của chức danh được bố trí kiêm nhiệm.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua quy định chức danh, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và bãi bỏ phần nội dung quy định về chính sách đối với cán bộ không chuyên trách xã, thôn, tổ dân phố tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Vp Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp,
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh uỷ;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Vp. UBND tỉnh (Đăng công báo);
- Vp. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT – CT.HĐ.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Phạm Đình Thu